

16 ĐỀ THI
HỌC KỲ II
MÔN NGỮ
Sachhoc.com
VĂN 6

TỦ SÁCH LUYỆN THI

TỦ SÁCH LUYỆN THI

16 ĐỀ THI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN 6 CÓ ĐÁP ÁN

ĐỀ 1**ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II****Môn Ngữ Văn 6***Thời gian: 90 phút***I. PHẦN ĐỌC HIỂU (5điểm)** Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.

“Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cô lán lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ”

(Ngữ Văn 6- tập 2)

Câu 1. (1điểm) Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. (1điểm) Nêu nội dung đoạn trích trên?

Câu 3. (2điểm) Tìm các câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh? Xác định kiểu so sánh trong các câu văn vừa tìm?

Câu 4. (1điểm) Câu văn sau: "Thuyền cô lán lên".

a) Xác định chủ ngữ, vị ngữ?

b) Xác định kiểu câu và cho biết câu văn trên dùng để làm gì?

II. PHẦN LÀM VĂN (5điểm) Con đường đến trường đã khắc sâu vào trong tâm trí của em. Hãy tả về con đường thân thuộc ấy.

HẾT

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**A. Lưu ý chung**

- Giáo viên cần nghiên cứu kỹ hướng dẫn chấm, thống nhất phân chia thang điểm trong từng nội dung một cách cụ thể.

- Trong quá trình chấm, cần tôn trọng tính sáng tạo của học sinh. Chấp nhận cách diễn đạt, thể hiện khác với đáp án mà vẫn đảm bảo nội dung theo chuẩn kiến thức kỹ năng và năng lực, phẩm chất người học.

B. Hướng dẫn cụ thể**I. Các tiêu chí về nội dung bài kiểm tra phần đọc hiểu: 5,0 điểm**

Câu	Nội dung	Điểm
1	Đoạn trích được trích trong văn bản Vượt Thác. Tác giả: Võ Quảng	1,0
2	Nội dung đoạn trích: Hình ảnh quả cảm của dượng Hương Thư trong cuộc vượt thác. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp hùng dũng và sức mạnh của người lao động trên nền cảnh thiên nhiên, hùng vĩ.	1,0
3	Các câu văn có sử dụng phép tu từ so sánh: - Những động tác thả sào nhanh như cắt. - Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc - Cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. - Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà. Kiểu so sánh: * So sánh ngang bằng:	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25 1,0

	<ul style="list-style-type: none"> - Những động tác thả sào nhanh như cắt. - Dạng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc - Cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. <p>* So sánh không ngang bằng Dạng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dạng Hương Thư ở nhà.</p>	0,5
4	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyền / cô lán lên. CN VN - Câu trần thuật đơn, dùng để miêu tả. 	1,0
II. Các tiêu chí về nội dung bài viết: 5,0 điểm		
	<p>Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn có bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ. Trình bày hợp lý. Không mắc lỗi chính tả và lỗi diễn đạt. - Tả về con đường đến trường. - Ngôn ngữ trong sáng, nội dung cụ thể rõ ràng. - Kết hợp các yếu tố miêu tả + biểu cảm + tự sự (không yêu cầu cao). 	
	<p>Nội dung (một vài gợi ý, không nhất thiết phải đầy đủ):</p> <p>1. Mở bài: Giới thiệu con đường đến trường.</p> <p>2. Thân bài:</p> <p>* Tả hình ảnh con đường quen thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả con đường theo cảm nhận chung (rộng hay hẹp; đường nhựa, đường đất hay có rải đá, lát gạch hay tráng xi măng;...) - Cảnh hai bên đường: <ul style="list-style-type: none"> + Những dãy nhà, công viên + Những rặng cây, những lùm tre, những hàng rào rào rào, dòng sông... <p>* Con đường vào một lần em đi học (cụ thể):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nét riêng của con đường vào lúc em đi học. - Cảnh học sinh đi học: cách ăn mặc, cử chỉ, thái độ... - Cảnh người đi làm, xe cộ. <p>* Kể (nhắc) về một kỉ niệm gắn liền với con đường đến trường.</p> <p>3. Kết bài: Tình cảm của em với con đường và những mơ ước tương lai.</p>	<p>0.5</p> <p>1.5</p> <p>1.5</p> <p>1</p> <p>0.5</p>
	<p>Biểu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 5: Bài viết đúng thể loại, bố cục đầy đủ, rõ ràng; nội dung nổi bật, sâu sắc; diễn đạt lưu loát; miêu tả sinh động, kết hợp với tự sự, biểu cảm; trình bày sạch đẹp, đúng chính tả, đúng ngữ pháp. - Điểm 4: Hành văn mạch lạc, bố cục bài hợp lý, nội dung đầy đủ. Có kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm. Còn mắc một vài lỗi chính tả, ngữ pháp. - Điểm 2-3: Bài viết đủ ba phần, nội dung còn sơ sài, còn mắc một vài lỗi chính tả. - Điểm 1: Bố cục chưa hoàn chỉnh, diễn đạt yếu, còn mắc nhiều lỗi. - Điểm 0: Bỏ giấy trắng hoặc lạc đề. 	

ĐỀ 2**ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II****Môn Ngữ Văn 6***Thời gian: 90 phút***PHẦN I: VĂN - TIẾNG VIỆT (4 điểm)**

a. Thế nào là câu trần thuật đơn? (0,5 điểm)

b. Xác định chủ ngữ và vị ngữ của những câu sau. (1,5 điểm)

(1) Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng.

(Ngô Văn Phú)

(2) Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.

(Tô Hoài, Bài học đường đời đầu tiên)

(3) Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa.

*(Nguyễn Tuân, Cô Tô)***Câu 2: (2 điểm)**

Đọc khổ thơ này, em hiểu gì về Bác Hồ kính yêu của chúng ta?

“Đêm nay Bác ngồi đó***Đêm nay Bác không ngủ******Vì một lẽ thường tình******Bác là Hồ Chí Minh.”****(Minh Huệ- Đêm nay Bác không ngủ)***PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)**

Em hãy tả để làm rõ những nét đáng yêu của một em bé mà em quý mến.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 6 - HỌC KÌ II

Phần 1: Văn –Tiếng Việt:(4 điểm)

Câu 1 (2 điểm)

- a. Nêu được khái niệm câu trần thuật đơn. (0,5 điểm)
b. Xác định được chủ ngữ - vị ngữ mỗi câu đạt 0,5 điểm (1,5 điểm)

(1) Dưới gốc tre, tua tủa // những mâm măng.

V C

(2) Những cái vuốt ở chân, ở khoeo// cứ cứng dần và nhọn hoắt.

C **V**

(3) Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô // là một ngày trong trời, sáng sủa.

C **V**

Câu 2 (2 điểm)

Học sinh hiểu được các ý sau:

- Người không ngủ vì lo cho việc nước và thương bộ đội, dân công đã là một “lẽ thường tình” của cuộc đời Bác.
- Vì Bác là Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ của dân tộc và người cha thân yêu của quân đội ta, cuộc đời của Người dành trọn vẹn cho nhân dân, Tổ quốc.
- Bày tỏ tấm lòng yêu thương, kính trọng Bác.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN (6 điểm)

1. Yêu cầu chung

- Viết đúng thể loại văn miêu tả người
- Bố cục ba phần: Mở bài - Thân bài - Kết bài
- Miêu tả tự nhiên, sinh động, tình cảm chân thành
- Diễn đạt mạch lạc, ý tứ rõ ràng, dùng từ đặt câu đúng, trình bày sạch, cẩn thận, không sai chính tả.

2. Yêu cầu cụ thể:

a. Mở bài: (1 điểm)

Giới thiệu được em bé mà mình yêu quý.

b. Thân bài: (4 điểm)

Miêu tả cụ thể về: ngoại hình, tính cách, hành động, cử chỉ làm nổi bật vẻ đáng yêu của em bé.

c. Kết bài: (1 điểm)

Khẳng định tình cảm của em với em bé ấy.

3. Hướng dẫn chấm điểm:

Điểm 5 - <6: Bài làm đạt yêu cầu như đáp án, diễn đạt trôi chảy, văn viết có hình ảnh, lời văn trong sáng, giản dị, thể hiện được tình cảm chân thành, không sai lỗi chính tả, ngữ pháp.

Điểm 4 - <5: Bài làm đạt yêu cầu như đáp án song có một số lỗi sai sót nhỏ về chính tả hoặc diễn đạt, câu chuyện kể chưa được hấp dẫn.

Điểm 3 - <4: Hiểu đúng thể loại, bố cục đủ, nhưng diễn đạt đôi chỗ còn lủng củng, trình tự kể chưa được hợp lí, chưa diễn đạt hết ý, có sai ít lỗi về chính tả, ngữ pháp.

Điểm 2 - <3: Hiểu đúng thể loại song bố cục chưa rõ ràng, diễn đạt lủng củng sai sót nhiều lỗi chính tả.

Điểm 1 - <2: Bài làm không đúng theo yêu cầu, viết lan man, mắc quá nhiều lỗi.

ĐỀ 3	ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II Môn Ngữ Văn 6 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và khoanh tròn đáp án đúng nhất.

“Bồi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy gập, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hoắt, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. [...] Tôi đi đứng oai vệ. Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu. Cho ra kiểu con nhà võ. Tôi tợn lắm. Dám cả khịa với tất cả bà con trong xóm”

(Bài học đường đời đầu tiên)

1/ Vì sao nói: những con vật trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa?

- a** Chúng vốn là những con người đội lốt vật
- b** Chúng là những biểu tượng của đạo đức luân lí.
- c** Chúng được gán cho những nét tâm lí, tính cách, tư duy, hành động và quan hệ như con người.
- d** Chúng được miêu tả thực như chúng vốn thế.

2/ *Bài học đường đời đầu tiên* là tên gọi một chương trong tác phẩm nào?

- a** Những cuộc phiêu lưu của Dế Mèn
- b** Tuyển tập Tô Hoài
- c** Dế Mèn phiêu lưu kí
- d** Tập kí về cuộc phiêu lưu của Dế Mèn

3/ Trong câu: “Tôi đi đứng oai vệ ... Cho ra kiểu con nhà võ” thuộc kiểu nhân hóa nào?

- a** Trò chuyện với vật như đối với người.
- b** Dùng từ ngữ vốn gọi người để gọi vật.
- c** Xưng hô với vật như đối với người.
- d** Dùng từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật.

4/ Chi tiết nào sau đây không thể hiện được vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn?

- a** Năm khềnh bắt chân chữ ngũ trong hang.

- b Đôi cánh dài xuống tận chấm đuôi..
- c Đôi cẳng mắt bóng với những cái vuốt nhọn hoắt.
- d Khi bách bộ cả người rung rinh một màu nâu bóng mỡ.

5/ Trong câu: "*Đôi cẳng tôi mắt bóng*" - Vị ngữ câu trên thuộc loại từ gì?

- a Động từ
- b Cụm tính từ
- c Tính từ
- d Cụm động từ

6/ Trong những trường hợp sau đây, trường hợp nào em phải viết đơn?

- a Em nhặt được chiếc cặp của một bạn bỏ quên trong trường.
- b Em bị ốm, không đến lớp được.
- c Do sơ xuất em bị kẻ gian lấy mất chiếc xe đạp.
- d Em phạm lỗi với thầy giáo, mong muốn xin thầy tha lỗi.

7/ Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể bằng lời của nhân vật nào?

- a Dế Mèn
- b Người kể chuyện
- c Chị Cốc
- d Dế Choắt

8/ Chủ ngữ câu sau đây trả lời cho câu hỏi gì? "*Tôi tợn lắm.*"

- a Cái gì?
- b Con gì?
- c Ai?
- d Việc gì?

9/ Trong câu: "*nên tôi chóng lớn lắm*" - từ "*lắm*" thuộc loại:

- a Phó từ chỉ sự phủ định
- b Phó từ chỉ mức độ.
- c Phó từ chỉ quan hệ thời gian
- d Phó từ chỉ sự cầu khiến

10/ Câu sau đây có những thành phần nào: "*Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng.*"

- a Trạng ngữ, vị ngữ.
- b Trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ
- c Trạng ngữ, chủ ngữ.
- d Chủ ngữ, vị ngữ.

11/ Trong câu: "*Mỗi khi tôi vũ lên*" từ nào là động từ?

- a tôi
- b Mỗi khi
- c lên
- d vũ

12/ Trong câu: "*Tôi đi đứng oai vệ*" từ nào là tính từ?

- a đi
- b Tôi
- c đứng
- d oai vệ

13/ Khi làm văn miêu tả, người ta không cần phải có những kĩ năng gì?

- a Xây dựng cốt truyện.
- b Nhận xét đánh giá.
- c Quan sát, nhìn nhận.
- d Liên tưởng, tưởng tượng, ví von, so sánh.

14/ *Bài học đường đời đầu tiên* là sáng tác của nhà văn nào?

- a Tạ Duy Anh
- b Đoàn Giỏi
- c Võ Quảng
- d Tô Hoài

15/ Các mục không thể thiếu trong đơn là những mục nào?

- a Quốc hiệu, tên đơn, lí do gửi.
- b Đơn gửi ai? Ai gửi đơn? Gửi để đề đạt nguyện vọng gì?
- c Quốc hiệu, tên đơn, người gửi.

d Nơi gửi, nơi làm đơn, ngày tháng.

16/ "*Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua*" - Đây là câu tác giả sử dụng phép so sánh gì?

a So sánh kém

c Không có phép so sánh.

b So sánh ngang bằng.

d So sánh hơn.

→ **Phần trả lời:**

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

II/ PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

Đề: Em hãy tả lại hình ảnh một người thầy (cô) giáo mà em yêu quý nhất.

*** **

ĐÁP ÁN ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN 6

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:

→ Mỗi câu đúng = 0,25 điểm

ĐỀ 1:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
c	c	d	a	c	b	a	c	b	b	d	d	a	d	b	b

1[1]c... 2[1]c... 3[1]d... 4[1]a... 5[1]c... 6[1]b... 7[1]a... 8[1]c...
9[1]b... 10[1]b... 11[1]d... 12[1]d... 13[1]a... 14[1]d... 15[1]b... 16[1]b...

ĐỀ 2:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
c	b	a	d	c	a	c	d	b	b	b	a	d	c	b	d

1[1]c... 2[1]b... 3[1]a... 4[1]d... 5[1]c... 6[1]a... 7[1]c... 8[1]d...
9[1]b... 10[1]b... 11[1]b... 12[1]a... 13[1]d... 14[1]c... 15[1]b... 16[1]d...

ĐỀ 3:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
c	c	c	a	d	b	b	b	a	d	c	b	b	b	c	b

1[1]c... 2[1]c... 3[1]c... 4[1]a... 5[1]d... 6[1]b... 7[1]b... 8[1]b...
9[1]a... 10[1]d... 11[1]c... 12[1]b... 13[1]b... 14[1]b... 15[1]c... 16[1]b...

ĐỀ 4:

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a	d	b	c	c	b	d	d	a	a	b	c	a	b	a	b

1[1]a... 2[1]d... 3[1]b... 4[1]c... 5[1]c... 6[1]b... 7[1]d... 8[1]d...
 9[1]a... 10[1]a... 11[1]b... 12[1]c... 13[1]a... 14[1]b... 15[1]a... 16[1]b...

II/ PHẦN TỰ LUẬN:*** Yêu cầu chung:**

- Về hình thức: Kiểu bài văn miêu tả.
- Về nội dung: Tả lại hình ảnh người thầy hoặc cô giáo mà em yêu quý nhất.

*** Dàn ý:****a. Mở bài:** Giới thiệu chung: (1đ)

- Người em miêu tả là thầy (cô) nào?
- Thầy (cô) đã dạy em năm học nào?

b. Thân bài: Tả thầy (cô) em:

- Hình dáng bên ngoài: (1,5)
 - + Độ tuổi.
 - + Tầm vóc (cao, thấp), dáng người (mập, ốm)
 - + Màu da
 - + Gương mặt, mắt, mũi, miệng ...
 - + Dáng đi, lời nói, cử chỉ...
- Tính tình: (1,5)
 - + Giản dị, vui vẻ (hoặc hiền lành, ít lời...)
 - + Thương học trò, hài lòng khi các em ngoan ngoãn.
 - + Khiêm khắc khi có bạn vi phạm lỗi.
 - + Luôn quan tâm đến từng bạn trong lớp học. Nhiệt tình giảng dạy.
- Tài năng: (1)
 - + Thầy (cô) giảng bài rất hay, dễ hiểu. Lớp luôn thích thú khi tới tiết học của thầy (cô).
 - + Thầy (cô) viết chữ rất đẹp.
 - + Thầy (cô) có tài vẽ, hát rất hay (nên khi giảng bài thầy (cô) có thể lồng vào hát hoặc vẽ cho lớp thích thú hơn)...

c. Kết bài: Cảm nghĩ của em về thầy (cô) (1đ)

- Rất yêu quý thầy (cô) của em.
- Hứa sẽ cố gắng là học sinh chăm ngoan, học giỏi để không phụ lòng thầy (cô) dạy dỗ.

BIỂU ĐIỂM:

- **Điểm 5 -6:** Học sinh đáp ứng tốt yêu cầu nêu trên. Văn mạch lạc, có hình ảnh, diễn đạt trôi trãi. Kết cấu, bố cục chặt chẽ, cân đối. Biết sử dụng nghệ thuật so sánh, liên tưởng, ví von độc đáo, hợp lí, biết kết hợp tốt giữa tả, nhận xét và bình luận. Giấy làm sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. Còn thiếu sót một ít lỗi không đáng kể.

- **Điểm 2 – 3 – 4:** Học sinh đáp ứng khá đạt những yêu cầu trên. Văn diễn đạt tương đối trôi chảy. Còn mắc một số lỗi: thiếu so sánh, liên tưởng. Bố cục, kết cấu chưa hợp lý, lời văn còn lủng củng, chữ viết xem được, còn sai chính tả khá nhiều.

- **Điểm 0 – 1:** Sai phương pháp nội dung (Sai đối tượng tả hoặc toàn bộ bài văn mang hình thức kể, không thấy yếu tố tả) + bài viết quá dơ, chữ quá tệ, sai rất nhiều lỗi chính tả dù là những chữ đơn giản.

ĐỀ 4	ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II Môn Ngữ Văn 6 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. Phần Văn và Tiếng Việt (5 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua các chi tiết nào về không gian, thời gian, hình dáng, cử chỉ?

Câu 2: (1 điểm) Dựa vào văn bản *Sông nước Cà Mau*, em hãy cho biết những dấu hiệu nào của thiên nhiên Cà Mau gợi cho con người nhiều ấn tượng khi đi qua vùng đất này?

Câu 3: (1 điểm) So sánh là gì? Em hãy đặt một câu có sử dụng phép so sánh.

Câu 4: (1,5 điểm) Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu sau và cho biết mỗi chủ ngữ, vị ngữ có cấu tạo như thế nào?

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng.

(Tô Hoài, Bài học đường đời đầu tiên)

II. Phần Tập làm văn (5 điểm)

Em hãy tả lại một người thân yêu và gần gũi nhất với mình (Ông, bà, cha, mẹ, ...)

- Đáp án và biểu điểm:

I. Phần Văn và Tiếng Việt

Câu	Nội dung	Số điểm
1	Hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua các chi tiết	
	- Thời gian, không gian: Trời khuya, bên bếp lửa, mưa lâm thâm, mái lều tranh xơ xác	0,5 điểm
	- Hình dáng: Vẻ mặt trầm ngâm, mái tóc bạc, ngồi đinh ninh, chòm râu im phăng phắc	0,5 điểm
	- Cử chỉ: Đi đốt lửa, đi dêm chăn cho từng người, nhón chân nhẹ nhàng.	0,5 điểm
2	Những dấu hiệu nào của thiên nhiên Cà Mau gợi cho con người nhiều ấn tượng khi đi qua vùng đất này:	
	- Sông ngòi, kênh rạch	0,5 điểm
	- Trời, nước (tiếng sóng biển), cây cối	0,5 điểm
3	- Nêu đúng khái niệm so sánh	0,5 điểm
	- Đặt câu có sử dụng phép so sánh	0,5 điểm
4	- Xác định chủ ngữ, vị ngữ và cho cấu tạo của chủ ngữ, vị ngữ	0,75 điểm
	+ Tôi: chủ ngữ (đại từ)	0,75 điểm
	+ đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng: vị ngữ (cụm động từ)	(Xác định được chủ ngữ)

		đạt 0,25 điểm còn xác định cấu tạo 0,5 điểm)
--	--	---

II. Phần Tập làm văn

1. Yêu cầu chung:

- Nội dung: Tả lại một người thân yêu và gần gũi nhất
- Thể loại: Miêu tả kết hợp với tự sự và biểu cảm

2. Yêu cầu cụ thể: Bài làm đảm bảo bố cục 3 phần

a. Mở bài:

- Giới thiệu chung về người thân: Tên, tuổi, nghề nghiệp, tình cảm của em với người thân đó

b. Thân bài:

- Ngoại hình: dáng cao, thấp, nét mặt,...
- Lời nói: Nhẹ nhàng, nghiêm khắc, cử chỉ thể hiện phẩm chất của người thân.
- Hình ảnh người đó gắn với hành động: Chăm lo chu đáo, hướng dẫn em học tập
- Với xóm làng, với người xung quanh: hoà nhã, thân mật....
- Tình cảm của người thân với mình: yêu thương...

c. Kết bài:

- Tình cảm của em đối với người thân được tả.
- Nêu suy nghĩ trách nhiệm của em đối với người thân.

3. Cách cho điểm:

- Điểm 4 đến 5: bài văn có bố cục rõ ràng, mạch lạc, văn trôi chảy, bài viết có cảm xúc, đáp ứng được yêu cầu trên
- Điểm 3: đáp ứng được yêu cầu trên, trình bày rõ ràng, mạch lạc, diễn đạt khá trôi chảy có thể mắc vài lỗi chính tả.
- Điểm 1 đến 2: đáp ứng được yêu cầu trên, sắp xếp bố cục hợp lí nhưng chưa mạch lạc, diễn đạt còn lúng túng.
- Điểm 0 – 0,5: bài lạc đề.

3. Tiến hành tổ chức kiểm tra:

a. Ôn định lớp:

b. Tổ chức kiểm tra: Giáo viên phát đề - thu bài

c. Dẫn dò:

- Xem lại nội dung phần ôn tập
- Làm các bài tập đề kiểm tra cuối học kì 2 trang 165 đến 166 sách giáo khoa

d. Rút kinh nghiệm và bổ sung ý kiến của đồng nghiệp hoặc của cá nhân

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỀ 5**ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II****Môn Ngữ Văn 6***Thời gian: 90 phút***I. Phần Văn và Tiếng Việt (5 điểm)**

Câu 1: (1,5 điểm) Trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*, hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua các chi tiết nào về không gian, thời gian, hình dáng, cử chỉ?

Câu 2: (1 điểm) Dựa vào văn bản *Sông nước Cà Mau*, em hãy cho biết những dấu hiệu nào của thiên nhiên Cà Mau gợi cho con người nhiều ấn tượng khi đi qua vùng đất này?

Câu 3: (1 điểm) So sánh là gì? Em hãy đặt một câu có sử dụng phép so sánh.

Câu 4: (1,5 điểm) Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu sau và cho biết mỗi chủ ngữ, vị ngữ có cấu tạo như thế nào?

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng.

(Tô Hoài, Bài học đường đời đầu tiên)

II. Phần Tập làm văn (5 điểm)

Em hãy tả lại một người thân yêu và gần gũi nhất với mình (Ông, bà, cha, mẹ, ...)

ĐỀ 6**ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II****Môn Ngữ Văn 6***Thời gian: 90 phút***I. TRẮC NGHIỆM (3điểm)**

Đọc kỹ và trả lời các câu hỏi bằng cách ghi chữ cái A,B,C hoặc D vào ô trống dưới đây:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
<u>Đáp án</u>								
Câu	9	10	11	12	13	14	15	16
<u>Đáp án</u>								

1) Vị trí của người miêu tả trong đoạn trích “ Sông nước Cà Mau” là:

- A. Trên con thuyền xuôi theo kênh rạch. B. Trên đường bộ bám theo các kênh rạch.
C. Từ trên cao nhìn bao quát toàn cảnh. D. Ngồi một nơi mà tưởng tượng ra.

2) Trong văn bản “ Bức tranh của em gái tôi”, diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh em gái vẽ là :

- A. Ngỡ ngàng→ xấu hổ→ hãnh diện. B. Ngỡ ngàng→ hãnh diện→ xấu hổ.
C. Hãnh diện → ngỡ ngàng→ xấu hổ. D. Xấu hổ→ ngỡ ngàng→ hãnh diện.

3) Nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của văn bản” Vượt thác” là:

- A. Phối hợp tả cảnh thiên nhiên với tả hoạt động con người.
B. Khái quát được sự dữ dằn và êm dịu của dòng sông.
C. Làm nổi bật hình ảnh con người trong tư thế lao động.
D. Làm rõ cảnh thiên nhiên trải dọc theo hai bờ sông.

- 4) Dòng nào nêu không đúng ý nghĩa của khổ thơ cuối bài “Đêm nay Bác không ngủ”?
- Đêm nay chỉ là một đêm trong nhiều đêm Bác không ngủ.
 - Là Hồ Chí Minh thì không có thời gian để ngủ.
 - Cả cuộc đời Bác dành trọn cho dân, cho nước.
 - Đó chính là lẽ sống “Nâng niu tất cả chỉ quên mình” của Bác.
- 5) Ý nghĩa của khổ thơ cuối bài thơ “Lượm”:
- Hướng người đọc suy nghĩ nhiều hơn về sự sống mãi của Lượm trong lòng mọi người.
 - Khẳng định rằng tác giả vẫn nhớ mãi hình ảnh đáng yêu của Lượm.
 - Khẳng định sự thật đau lòng: Lượm không còn nữa.
 - Nhắc mọi người đừng quên một chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi.
- 6) Thế nào là vần lưng?
- Vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.
 - Vần được gieo ở giữa dòng thơ.
 - Vần được gieo ở cuối dòng thơ.
 - Vần được gieo thường cách ra một dòng thơ.
- 7) Câu văn: “*Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước*” có chủ ngữ cấu tạo như thế nào?
- Đại từ.
 - Cụm danh từ.
 - Danh từ.
 - Động từ.
- 8) Trong những câu sau, câu nào không phải là câu trần thuật đơn?
- Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời.
 - Tre giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.
 - Ngày mai trên đất nước này, tre vẫn là bóng mát.
 - Tre là người nhà, tre khắng khít với đời sống hằng ngày.
- 9) Trong những câu sau, câu nào mắc lỗi thiếu chủ ngữ?
- Qua truyện “Dế Mèn phiêu lưu kí”, cho thấy Dế Mèn biết phục thiện.
 - Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.
 - Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.
 - Những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể.
- 10) Phép tu từ nổi bật trong câu văn: “*Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.*” là gì?
- Nhân hóa.
 - So sánh.
 - Ẩn dụ.
 - Hoán dụ.
- 11) Từ “*mồ hôi*” trong câu ca dao sau được dùng để chỉ cho sự vất vả gì?
- Mồ hôi mà đổ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.*
- Chỉ người lao động.
 - Chỉ quá trình lao động nặng nhọc, vất vả.
 - Chỉ công việc lao động.
 - Chỉ kết quả con người thu được trong lao động.
- 12) Mục đích của văn bản miêu tả là gì?
- Bày tỏ tình cảm, cảm xúc.
 - Trình bày diễn biến sự việc.
 - Tái hiện sự vật, hiện tượng, con người.
 - Nêu nhận xét đánh giá.

II. TƯ LUÂN (7 Điểm)

Câu 1: (1 điểm) Em hãy nêu ý nghĩa của mỗi đại từ nhân xưng mà tác giả dùng để gọi Lượm:

- “Chú bé
- “Cháu”:
- “Lượm”:
- “Chú đồng chí nhỏ”:

Câu 2: (1 điểm) Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong những câu sau. Cho biết câu nào là câu miêu tả và câu nào là câu tồn tại?

“Dưới gốc tre, tua tủa những mầm măng. Măng trồi lên nhọn hoắc như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lầy mà trỗi dậy.”

(Ngô Văn Phú)

Câu 3: (5 điểm) Em hãy viết bài văn tả người thân yêu và gần gũi nhất với mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em,...)

ĐÁP ÁN

Môn Ngữ văn 6 học kỳ II

I. Phần trắc nghiệm: 12 câu (3 điểm) (mỗi câu đúng đạt 0.25 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	C	D	C	C	C	A	C	B	B	D	A

II. Phần tự luận: 7 điểm

Câu 1: (1 điểm)

- “Chú bé”: Cách gọi của một người lớn với một bé trai nhỏ, thể hiện sự thân mật nhưng chưa phải là gần gũi, thân thiết. (0,25đ)
- “Cháu”: Cách gọi biểu lộ tình cảm gần gũi, thân thiết như quan hệ ruột thịt của người lớn với một em nhỏ. (0,25đ)
- “Lượng”: Dùng khi tình cảm, cảm xúc của tác giả dâng đến cao trào, muốn gọi tên lên để gửi gắm tình cảm (đều kèm theo từ cảm thán). (0,25đ)
- “Chú đồng chí nhỏ”: Cách gọi vừa thân thiết, triu mến, vừa thể hiện sự bình đẳng, trân trọng đối với một chiến sĩ nhỏ tuổi. (0,25đ)

Câu 2: (1 điểm)

- Dưới gốc tre, tua tủa // những mầm măng. (0,25đ)
VN CN
- Câu tồn tại.. (0,25đ)
- Măng // trồi lên nhọn hoắc như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lầy mà trỗi dậy. (0,25đ)
CN VN
- Câu miêu tả. (0,25đ)

Câu 3: (5 điểm)

A/ Yêu cầu chung:

- Thể loại: Miêu tả
- Nội dung: Viết bài văn tả người thân yêu và gần gũi nhất với mình (Biết viết một bài văn tả người hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, biết tả có trình tự, diễn đạt trôi chảy, trong sáng, văn viết có hình ảnh, biết dùng từ, đặt câu đúng.)

B/ Yêu cầu cụ thể :

Mở bài : Giới thiệu người được tả :Người thân yêu và gần gũi nhất với mình

Thân bài : Tả theo một trình tự hợp lý trên các phương diện:

Các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, phù hợp về ngoại hình , hành động , cử chỉ , ngôn ngữ .

Quá trình miêu tả gắn với tình cảm thực của bản thân ; lòng kể về những kỷ niệm tạo nên dấu ấn không phai mờ trong tâm trí . Đã để lại cho bản thân sự kính phục đối với người thân yêu và gần gũi nhất với mình

Kết bài : Suy nghĩ về hình ảnh người thân yêu và gần gũi nhất với mình.

C/ Biểu điểm:

- Điểm 4,0-5,0: Đảm bảo các yêu cầu trên, thể hiện sự sáng tạo về kĩ năng miêu tả cũng như nội dung diễn đạt, lời văn trong sáng, trôi chảy, sai không quá 3 lỗi các loại.
- Điểm 2,5 -3,5: Đảm bảo các yêu cầu trên, thể hiện sự sáng tạo về kĩ năng miêu tả cũng như nội dung diễn đạt song đôi chỗ diễn đạt còn vụng, sai không quá 6 lỗi các loại.

- Điểm 1,5 -2,0: Chưa đảm bảo được yêu cầu của bài làm, miêu tả không đúng trình tự, lời văn lủng củng, sai không quá 8 lỗi các loại.
- Điểm 0,5 -1,0: Không đảm bảo được yêu cầu của bài làm, lời văn lủng củng, sơ sài về nội dung sai nhiều lỗi các loại hoặc viết một vài đoạn có liên quan.- Điểm 0: Không làm được

ĐỀ 7	ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II Môn Ngữ Văn 6 <i>Thời gian: 90 phút</i>
-------------	--

I. TRẮC NGHIỆM (3điểm)

Đọc kỹ và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu đúng nhất.

- 1) Vị trí của người miêu tả trong đoạn trích “ Sông nước Cà Mau” là:
 - A. Trên con thuyền xuôi theo kênh rạch.
 - B. Trên đường bộ bám theo các kênh rạch.
 - C. Từ trên cao nhìn bao quát toàn cảnh.
 - D. Ngồi một nơi mà tưởng tượng ra.
- 2) Trong văn bản “ Bức tranh của em gái tôi”, diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh em gái vẽ là :
 - A. Ngỡ ngàng→ xấu hổ→ hãnh diện.
 - B. Ngỡ ngàng→ hãnh diện→ xấu hổ.
 - C. Hãnh diện → ngỡ ngàng→ xấu hổ.
 - D. Xấu hổ→ ngỡ ngàng→ hãnh diện.
- 3) Nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của văn bản” Vượt thác” là:
 - A. Phối hợp tả cảnh thiên nhiên với tả hoạt động con người.
 - B. Khái quát được sự dữ dằn và êm dịu của dòng sông.
 - C. Làm nổi bật hình ảnh con người trong tư thế lao động.
 - D. Làm rõ cảnh thiên nhiên trải dọc theo hai bờ sông.
- 4) Dòng nào nêu không đúng ý nghĩa của khổ thơ cuối bài” Đêm nay Bác không ngủ”?
 - A. Đêm nay chỉ là một đêm trong nhiều đêm Bác không ngủ.
 - B. Là Hồ Chí Minh thì không có thời gian để ngủ.
 - C. Cả cuộc đời Bác dành trọn cho dân, cho nước.
 - D. Đó chính là lẽ sống” Nâng niu tất cả chỉ quên mình” của Bác.
- 5) Ý nghĩa của khổ thơ cuối bài thơ “Lượm”:
 - A. Hướng người đọc suy nghĩ nhiều hơn về sự sống mãi của Lượm trong lòng mọi người.
 - B. Khẳng định rằng tác giả vẫn nhớ mãi hình ảnh đáng yêu của Lượm .
 - C. Khẳng định sự thật đau lòng: Lượm không còn nữa.
 - D. Nhắc mọi người đừng quên một chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi .
- 6) Thế nào là vần lưng?
 - A. Vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ.
 - B. Vần được gieo ở giữa dòng thơ .
 - C. Vần được gieo ở cuối dòng thơ.
 - D. Vần được gieo thường cách ra một dòng thơ.
- 7) Câu văn: “*Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước*” có chủ ngữ cấu tạo như thế nào?
 - A. Đại từ.
 - B. Cụm danh từ.
 - C. Danh từ.
 - D. Động từ.
- 8) Trong những câu sau, câu nào không phải là câu trần thuật đơn?
 - A. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời.
 - B. Tre giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.
 - C. Ngày mai trên đất nước này, tre vẫn là bóng mát.

ĐÁP ÁN

ĐỀ 674

Môn Ngữ văn 6 học kỳ II

I. Phần trắc nghiệm: 12 câu (3 điểm) (mỗi câu đúng đạt 0.25 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	A	B	A	B	D	B	C	D	A	A	B	C

II. Phần tự luận: 7 điểm

Câu 1: (1 điểm)

- “Chú bé”: cách gọi của một người lớn với một bé trai nhỏ, thể hiện sự thân mật nhưng chưa phải là gần gũi, thân thiết. (0,25đ)
- “Cháu”: cách gọi biểu lộ tình cảm gần gũi, thân thiết như quan hệ ruột thịt của người lớn với một em nhỏ. (0,25đ)
- “Lượm”: dùng khi tình cảm, cảm xúc của tác giả dâng đến cao trào, muốn gọi tên lên để gửi gắm tình cảm (đều kèm theo từ cảm thán). (0,25đ)
- “Chú đồng chí nhỏ”: cách gọi vừa thân thiết, trìu mến, vừa thể hiện sự bình đẳng, trân trọng đối với một chiến sĩ nhỏ tuổi. (0,25đ)

Câu 2: (1 điểm)

- Dưới gốc tre, tua tủa // những mầm măng. (0,25đ)
VN CN
- Câu tồn tại. (0,25đ)
- Măng // trời lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lầy mà trời dậy. (0,25đ)
CN VN
- Câu miêu tả. (0,25đ)

Câu 3: (5 điểm)

A/ Yêu cầu chung:

- Thể loại: Miêu tả
- Nội dung: Viết bài văn tả người thân yêu và gần gũi nhất với mình
(Biết viết một bài văn tả người hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, biết tả có trình tự, diễn đạt trôi chảy, trong sáng, văn viết có hình ảnh, biết dùng từ, đặt câu đúng.)

B/ Yêu cầu cụ thể:

Mở bài : Giới thiệu người được tả :Người thân yêu và gần gũi nhất với mình

Thân bài : Tả theo một trình tự hợp lý trên các phương diện:

Các chi tiết, hình ảnh tiêu biểu, phù hợp về ngoại hình , hành động , cử chỉ , ngôn ngữ .

Quá trình miêu tả gắn với tình cảm thực của bản thân ; lòng kể về những kỷ niệm tạo nên dấu ấn không phai mờ trong tâm trí . Đã để lại cho bản thân sự kính phục đối với người thân yêu và gần gũi nhất với mình

Kết bài : Suy nghĩ về hình ảnh người thân yêu và gần gũi nhất với mình.

C/ Biểu điểm:

- Điểm 4,0-5,0: Đảm bảo các yêu cầu trên, thể hiện sự sáng tạo về kĩ năng miêu tả cũng như nội dung diễn đạt, lời văn trong sáng, trôi chảy, sai không quá 3 lỗi các loại.
- Điểm 2,5 -3,5: Đảm bảo các yêu cầu trên, thể hiện sự sáng tạo về kĩ năng miêu tả cũng như nội dung diễn đạt song đôi chỗ diễn đạt còn vụng, sai không quá 6 lỗi các loại.
- Điểm 1,5 -2,0: Chưa đảm bảo được yêu cầu của bài làm, miêu tả không đúng trình tự, lời văn lủng củng, sai không quá 8 lỗi các loại.
- Điểm 0,5 -1,0: Không đảm bảo được yêu cầu của bài làm, lời văn lủng củng, sơ sài về nội dung sai nhiều lỗi các loại hoặc viết một vài đoạn có liên quan.

I. TRẮC NGHIỆM (3điểm)

Đọc kỹ và trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu đúng nhất.

- 1) Vị trí của người miêu tả trong đoạn trích “ Sông nước Cà Mau” là:
- A. Trên đường bộ bám theo các kênh rạch. B. Trên con thuyền xuôi theo kênh rạch.
C. Từ trên cao nhìn bao quát toàn cảnh. D. Ngồi một nơi mà tưởng tượng ra.
- 2) Trong văn bản “ Bức tranh của em gái tôi”, diễn biến tâm trạng của người anh khi đứng trước bức tranh em gái vẽ là :
- A. Ngõ ngàng→ xấu hổ→ hãnh diện. B. Hãnh diện → ngõ ngàng→ xấu hổ.
C. Ngõ ngàng→ hãnh diện→ xấu hổ. D. Xấu hổ→ ngõ ngàng→ hãnh diện.
- 3) Nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả của văn bản” Vượt thác” là:
- A. Làm rõ cảnh thiên nhiên trải dọc theo hai bờ sông.
B. Khái quát được sự dữ dằn và êm dịu của dòng sông.
C. Làm nổi bật hình ảnh con người trong tư thế lao động.
D. Phối hợp tả cảnh thiên nhiên với tả hoạt động con người.
- 4) Dòng nào nêu không đúng ý nghĩa của khổ thơ cuối bài” Đêm nay Bác không ngủ”?
- A. Đêm nay chỉ là một đêm trong nhiều đêm Bác không ngủ.
B. Cả cuộc đời Bác dành trọn cho dân, cho nước.
C. Là Hồ Chí Minh thì không có thời gian để ngủ.
D. Đó chính là lẽ sống” Nâng niu tất cả chi quên mình” của Bác.
- 5) Ý nghĩa của khổ thơ cuối bài thơ “Lượm”:
- A. Hướng người đọc suy nghĩ nhiều hơn về sự sống mãi của Lượm trong lòng mọi người.
B. Khẳng định rằng tác giả vẫn nhớ mãi hình ảnh đáng yêu của Lượm .
C. Nhắc mọi người đừng quên một chú bé Lượm hồn nhiên, vui tươi .
D. Khẳng định sự thật đau lòng: Lượm không còn nữa .
- 6) Thế nào là vần lưng?
- A. Vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ. B. Vần được gieo ở cuối dòng thơ.
C. Vần được gieo ở giữa dòng thơ. D. Vần được gieo thường cách ra một dòng thơ.
- 7) Câu văn: “*Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước*” có chủ ngữ cấu tạo như thế nào?
- A. Danh từ. B. Cụm danh từ. C. Đại từ. D. Động từ.
- 8) Trong những câu sau, câu nào không phải là câu trần thuật đơn?
- A. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời.
B. Tre giúp người trăm nghìn công việc khác nhau.
C. Tre là người nhà, tre kháng khí với đời sống hằng ngày.
D. Ngày mai trên đất nước này, tre vẫn là bóng mát.
- 9) Trong những câu sau, câu nào mắc lỗi thiếu chủ ngữ?
- A. Bạn Lan, người học giỏi nhất lớp 6A.
B. Qua truyện “Đế Mèn phiêu lưu kí”, cho thấy Đế Mèn biết phục thiện.
C. Hình ảnh Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt, vung roi sắt, xông thẳng vào quân thù.
D. Những câu chuyện dân gian mà chúng tôi thích nghe kể.
- 10) Phép tu từ nổi bật trong câu văn: “*Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước.*” là gì?
- A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Ẩn dụ. D. Hoán dụ.
- 11) Từ “*mồ hôi*” trong câu ca dao sau được dùng để chỉ cho sự vất vả?
- Mồ hôi mà đổ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đôi nương.*

B. Chỉ kết quả con người thu được trong lao động.

D. Chỉ quá trình lao động nặng nhọc, vất vả.

B.Trình bày diễn biến sự việc.

D. Nêu nhận xét đánh giá.

Câu 1: (1 điểm) Em hãy nêu ý nghĩa của mỗi đại từ nhân xưng mà tác giả dùng để gọi Lượm:

- “Chú đồng chí nhỏ”:

Câu 3: (5 điểm) Em hãy viết bài văn tả người thân yêu và gần gũi nhất với mình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em,...)

[illegible]

I. Phần trắc nghiệm: 12 câu (3 điểm) (mỗi câu đúng đạt 0.25 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ.án	B	C	D	C	C	C	A	C	B	B	D	A

II. Phần tự luận: 7 điểm

Câu 1: (1 điểm)

- “Chú bé”: Cách gọi của một người lớn với một bé trai nhỏ, thể hiện sự thân mật nhưng chưa phải là gần gũi, thân thiết.(0,25đ)
- “Cháu”: Cách gọi biểu lộ tình cảm gần gũi, thân thiết như quan hệ ruột thịt của người lớn với một em nhỏ.(0,25đ)
- “Lượm”: Dùng khi tình cảm, cảm xúc của tác giả dâng đến cao trào, muốn gọi tên lên để gửi gắm tình cảm (đều kèm theo từ cảm thán).(0,25đ)
- “Chú đồng chí nhỏ”: Cách gọi vừa thân thiết, trìu mến, vừa thể hiện sự bình đẳng, trân trọng đối với một chiến sĩ nhỏ tuổi .(0,25đ)

Câu 2: (1 điểm)

- Dưới gốc tre, tua tủa // những mầm măng. (0,25đ)
VN CN
- Câu tồn tại..(0,25đ)
- Măng // trời lên nhọn hoắt như một mũi gai khổng lồ xuyên qua đất lũy mà trời dậy.(0,25đ)
CN VN
- Câu miêu tả. (0,25đ)

ĐỀ 9

ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II

Môn Ngữ Văn 6

Thời gian: 90 phút

I. VĂN- TIẾNG VIỆT: (4,0 điểm)

Câu 1: (2,0 đ)

Văn bản: “*Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*” (Sách Ngữ văn 6 tập 2-NXBGD) đặt ra một vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại. Đó là vấn đề gì? Nêu trách nhiệm của em về vấn đề ấy?

Câu 2: (2,0 đ)

Xác định các phép tu từ được sử dụng trong các câu sau?

- Mặt trăng tròn như cái đĩa bạc.
- Từ trên cao, ông trăng nhìn em mỉm cười.

II. TẬP LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Hãy tả một người bạn trong lớp em được nhiều người yêu mến.

Hết

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HKII NĂM HỌC: 2016-2017

Môn: Ngữ Văn 6

Câu/ bài	Nội dung	Thang điểm
	I. VĂN- TIẾNG VIỆT	
Câu 1	<ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề có ý nghĩa toàn nhân loại trong văn bản “Bức thư của thủ lĩnh da đỏ”: Con người phải sống hòa hợp với thiên nhiên, phải chăm lo bảo vệ môi trường và thiên nhiên như bảo vệ mạng sống của chính mình. - Trách nhiệm của bản thân: + Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, thiên nhiên. + Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (Ở nhà, trường, nơi công cộng...) + Tuyên truyền mọi người chung tay bảo vệ môi trường, thiên nhiên. 	<p>1đ</p> <p>1đ</p>
Câu 2	<p>a. Biện pháp tu từ so sánh. Mặt trăng tròn như cái đĩa bạc.</p> <p>b. Nhân hóa Từ trên cao, ông trăng nhìn em mỉm cười.</p>	<p>1đ</p> <p>1đ</p>
	II. TẬP LÀM VĂN	
Câu 3	<p>* Gợi ý:</p> <p>* Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu người bạn học cùng lớp với em có tính nết nổi bật được mọi người yêu mến. <p>* Thân bài :</p> <p>Miêu tả những đặc điểm riêng, tiêu biểu nổi bật về hình dáng, tính nết tốt của người bạn.</p> <p>* Hình dáng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người bạn đó là nam hay nữ. -Vóc dáng, gương mặt, đôi mắt, nước da, nụ cười.... <p>* Những nét đáng mến của bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lễ phép, kính trọng cha mẹ, thầy cô, mọi người... giúp đỡ bạn bè trong học tập, sống chan hòa với mọi người, được mọi người yêu mến... - Chăm chỉ học tập, chuyên cần sáng tạo trong học tập, tích cực xây dựng bài, làm bài đầy đủ...đạt thành tích cao trong học tập, là tấm gương của lớp... - Tham gia tốt các phong trào của lớp, của trường... giúp đỡ cha mẹ làm việc nhà... <p>* Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nghĩ của em về người bạn. Rút ra bài học cho bản thân <p>* Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng kiểu bài văn tả người, đúng nội dung của đề. - Bài viết có bố cục 3 phần rõ ràng. - Diễn đạt mạch lạc, trong sáng, không mắc lỗi chính tả. - Vận dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, có vận dụng các phép tu từ như so sánh, nhân hóa, có vận dụng sự liên tưởng, tưởng tượng. <p>* Biểu điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng đủ các yêu cầu trên, có sáng tạo. - Đáp ứng được 2/3 các yêu cầu trên, có vài lỗi nhỏ. -Đáp ứng được 1/3 các yêu cầu trên có nhiều lỗi, trình bày không rõ ràng, không sạch. -Hoàn toàn lạc đề. 	<p>1đ</p> <p>2đ</p> <p>2đ</p> <p>1đ</p> <p>5-6đ</p> <p>3-4đ</p> <p>1-2đ</p> <p>0đ</p>

I/ Đọc- hiểu (2 điểm):

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:

“Những ngày nắng ráo như hôm nay, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng. Những thân cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rủ phát phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn. Từ trong biển lá xanh rờn đã bắt đầu ngả sang màu úa, ngát dậy một mùi hương lá tràm bị hun nóng dưới mặt trời, tiếng chim không ngớt vang ra, vọng mãi lên trời xanh cao thẳm không cùng. Trên các trảng rộng và chung quanh những lùm bụi thấp mọc theo các lạch nước, nơi mà sắc lá còn xanh, ta có thể nghe tiếng gió vù vù bất tận của hàng nghìn loại côn trùng có cánh không ngớt, bay đi bay lại trên những bông hoa nhiệt đới sặc sỡ, vừa lộng lẫy nở ra đã vội tàn nhanh trong nắng.”

(*Đất rừng phương Nam*- Đoàn Giỏi)

Câu 1: (0,5 điểm): Nêu PTBD chính của đoạn văn trên?

Câu 2: (0,5 điểm): Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì trong đoạn văn trên?

Câu 3: (1,0 điểm): Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 4: (1,0 điểm): Đọc đoạn văn trên, em học tập được gì khi làm văn miêu tả?

II/Tập làm văn (7,0 điểm):

Câu 5:(7,0 điểm) : Tả về một người em yêu quý nhất.

-----**Hết**-----

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung	Điểm
	<u>I/ Đọc- hiểu:</u>	3.0
Câu 1	- PTBD chính miêu tả	điểm
Câu 2	- Biện pháp tu từ trong đoạn văn là so sánh	0.5đ
Câu 3	- Nội dung chính của đoạn văn: cảnh thiên nhiên rừng U Minh- miền Tây Nam Bộ- thật sôi động và giàu chất thơ.	0.5đ 1.0đ
Câu 4	HS trình bày những thu nhận cá nhân khi làm văn miêu tả(quan sát, liên tưởng, cảm nhận tinh tế bằng tâm hồn...)	1.0đ
	<u>II/Tập làm văn :</u>	
	a. Mở bài:	
Câu 5	- Giới thiệu chung về người sẽ tả và lý do chọn người đó.	7.0điểm
	b.Thân bài: Tả được các đặc điểm chi tiết về:	
	- Hình dáng	
	- Tính tình	
	- Cử chỉ, hành động, lời nói.	
	(Lưu ý:HS phải biết sử dụng các hình ảnh so sánh phù hợp để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng miêu tả)	
	c. Kết bài:	
	- Nhận xét hoặc nêu cảm nhận của bản thân về người được tả.	

-----Hết-----

I. TRẮC NGHIỆM (2 đ).

Đọc đoạn văn sau đây và chọn phương án trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi:

“Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận”.

(Ngữ văn 6, tập II).

1. Đoạn văn trên được trích trong văn bản nào?

- A. Bài học đường đời đầu tiên. B. Bức tranh của em gái tôi.
C. Sông nước Cà Mau. D. Vượt thác.

2. Ai là tác giả của đoạn văn trên?

- A. Tô Hoài. B. Đoàn Giỏi. C. Tạ Duy Anh. D. Võ Quảng.

3. Đoạn văn trên được trình bày theo phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự. B. Biểu cảm. C. Nghị luận. D. Miêu tả.

4. Trong đoạn văn trên tác giả sử dụng biện pháp so sánh mấy lần?

- A. Hai. B. Ba. C. Bốn. D. Năm.

5. Từ nào sau đây là từ mượn?

- A. trường thành. B. ầm ầm. C. tường thành. D. rừng đước.

6. Trình tự miêu tả của đoạn văn trên là gì?

- A. Từ khái quát đến cụ thể. B. Từ cụ thể đến khái quát.
C. Từ dưới lên trên. D. Từ trên xuống dưới.

7. Dượng Hương Thư trong “*Vượt thác*” được so sánh với ai?

- A. Lục sĩ. B. Tráng sĩ. C. Dũng sĩ. D. Hiệp sĩ.

8. Trình tự hành trình của con thuyền trong “*Vượt thác*” là gì?

- A. đồng bằng - thác dữ - đồng bằng. B. thác dữ - đồng bằng - đồng bằng.
C. đồng bằng - đồng bằng - thác dữ. D. thác dữ - thác dữ - đồng bằng.

II. TỰ LUẬN (8 đ)

Câu 1. (1 đ):

Nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” (Trích *Đế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài)?

Câu 2. (2 đ):

Trình bày ngắn gọn về tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:

“Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

(*Cây tre Việt Nam* - Thép Mới)

Câu 3. (5đ):

Hãy tả lại quang cảnh lớp em trong giờ kiểm tra Ngữ văn?

ĐÁP ÁN

I TRẮC NGHIỆM (2 điểm) Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	D	B	A	A	D	A

II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1: (1đ) HS nêu đủ, đúng giá trị của văn bản:

* Về nội dung: Miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình. (0,5đ)

* Về nghệ thuật: miêu tả loài vật sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình. (0,5đ)

Câu 2: (2 điểm):

+ Xác định chính xác, đầy đủ các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn: điệp ngữ, nhân hóa, ẩn dụ (0,75đ).

+ Tác dụng: Làm nổi bật phẩm chất vô cùng cao quý của cây tre trong chiến đấu- can trường, bất khuất... Tác giả tôn vinh, ca ngợi cây tre cũng là ca ngợi con người, dân tộc Việt Nam (0,75đ).

+ Học sinh biết tình bày thành một đoạn văn ngắn, kết cấu đoạn chặt chẽ, diễn đạt trong sáng (0,5đ).

Câu 3: (5điểm):

*Yêu cầu: Học sinh biết cách làm bài văn miêu tả có bố cục rõ ràng, trình tự hợp lí.

Diễn đạt trong sáng, mạch lạc. Dùng từ, đặt câu giàu sức biểu cảm.

* Cụ thể cần đạt được các nội dung chính sau:

A. Mở bài:(0,5 điểm)

Giới thiệu giờ kiểm tra Ngữ văn (tiết? thứ? nét riêng khác các tiết học khác).

B. Thân bài: (4 điểm):

1. Lớp học trước giờ kiểm tra (0,5đ):

- Các bạn ngồi vào bàn, chuẩn bị giấy, bút...

- Tâm trạng chung: hồi hộp, chờ đợi.

2. Quang cảnh lớp học trong giờ kiểm tra: (3,0 đ)

- Quang cảnh chung

+ Lớp học (bàn ghế, ánh sáng...), không gian tĩnh lặng (tiếng bút viết, tiếng mở giấy...)

+ Tư thế, thái độ của giáo viên (khi quan sát học sinh làm bài), của học sinh (khi làm bài)

- Đặc tả chi tiết:

+ Chọn tả một số học sinh tiêu biểu: dáng vẻ, nét mặt...

+ Tả thầy (cô) giáo: nét mặt, ánh nhìn...

+ Cảm nhận của cá nhân.

3. Lớp học khi giờ kiểm tra kết thúc (0,5đ):

- Lớp ồn ào trở lại

- Thái độ của một số bạn sau khi làm bài.

C. Kết bài: (0,5 đ)

Cảm nhận của cá nhân sau giờ kiểm tra Ngữ văn.

* **Lưu ý:** HS có những cách làm bài khác nhau nhưng miễn là bài viết phải đạt được các yêu cầu về hình thức và nội dung của hướng dẫn chấm.

Có điểm khuyến khích cho những bài viết tỏ ra hiểu đề, kiến thức vững chắc, trình bày khoa học, diễn đạt trong sáng.

=> Điểm toàn bài: 10 điểm

ĐỀ 12	ĐỀ THI THỬ HỌC KỲ II Môn Ngữ Văn 6 Thời gian: 90 phút
--------------	--

I. Trắc nghiệm(3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi .

.....Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận. Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lúa trái rặng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh rêu, màu xanh chai lọ, Lòe nhòa ẩn hiện rong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi)

- Hãy tìm và viết ra 4 từ láy có trong đoạn văn trên.
- Dòng nào sau đây nói đúng nội dung của đoạn văn?
 - Đoạn văn kể chuyện sinh hoạt trên dòng Sông Năm Căn.
 - Đoạn văn giải thích nguồn gốc, lịch sử dòng Sông Năm Căn.
 - Đoạn văn miêu tả quang cảnh dòng Sông Năm Căn.
 - Đoạn văn bàn về cảnh sinh hoạt trên dòng Sông Năm Căn.
- Từ “ trường thành” trong “..... như hai dãy trường thành vô tận” là một từ Hán Việt?
 - Đúng
 - Sai
- Năm Căn là một địa danh ở:
 - Đồng bằng Sông Hồng
 - Miền Đông nam Bộ
 - Miền Nam Trung Bộ
 - Miền Tây Nam Bộ
- Tìm và viết ra hết các từ chỉ màu sắc có trong đoạn văn.

6. Xác định và viết ra thành phần chủ ngữ, vị ngữ của câu:

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn.

Chủ

ngữ.....

Vị

ngữ.....

II. Tự luận(7 điểm) Tả quang cảnh một đêm Trung Thu đẹp và vui mà em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN 6

I. TRẮC NGHIỆM(3 điểm)

ĐỀ	Câu 1	2	3	4	5	6
	(1)	c	b	d	(2)	(3)

(1) Học sinh viết đủ 4 từ láy có trong đoạn trích(mênh mông, ầm ầm, tấp tểp, lòa nhòa).Nếu chỉ tìm được 2 đến 3 từ láy(0,25 điểm).

(2) Học sinh viết ra được 5 từ chỉ màu sắc (đen trũi, trắng, xanh lá mạ, xanh rêu, xanh chài lợt).Chỉ tìm được 3,4 từ(0,25 điểm)

(3) Chủ ngữ : Thuyền chúng tôi

Vị ngữ : phần còn lại của câu.

II. TỰ LUẬN(7 điểm)

Yêu cầu : miêu tả quang cảnh một đêm trung thu đẹp với những hoạt động vui tươi, sôi nổi.

Cảnh và hoạt động được miêu tả phải gắn liền với cảm xúc tuổi thơ.Đêm Trung Thu được miêu tả theo sự phát triển mạch thời gian.

Biết chọn lọc chi tiết tiêu biểu, có ý nghĩa để miêu tả từ đó khắc họa sâu sắc những cảm xúc, tình cảm (nhớ mãi).

Biết sử dụng các biện pháp tu từ để văn viết giàu hình ảnh, gợi cảm.

Thang điểm

Điểm 7 : Bài viết nhiều ý tưởng hay, có nét sáng tạo, đúng yêu cầu đề bài.Cảm xúc tốt.

Điểm 5-6 : Bài viết đúng thể loại, có ý hay, phù hợp yêu cầu.Văn viết có cảm xúc.Ít mắc lỗi diễn đạt.

Điểm 3,4 : Bài viết đảm bảo yêu cầu đề bài, văn viết chưa thật hay, còn thiếu sót về ý tưởng, trình bày diễn đạt chưa trôi chảy, cảm xúc chưa rõ.Còn mắc lỗi về từ, câu.

Điểm 1-2 : Bài viết còn thiếu sót về nội dung và hình thức do chưa nắm vững yêu cầu đề bài và đặc trưng thể loại, khả năng sử dụng ngôn ngữ viết còn hạn chế.

Đề Số 13:**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 2****Môn: NGŨ VĂN – Lớp: 6****Năm học: 2018 – 2019****Thời gian: 90 phút****(không kể thời gian phát đề)****PHẦN 1: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cái anh chàng Dế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn củn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ...”

(Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài)

Câu hỏi:

1. Nêu nội dung của đoạn trích trên? (1 điểm)
2. Tìm các câu văn có sử dụng phép so sánh trong đoạn trích trên? (1 điểm)
3. Vì sao Dế Mèn đặt tên bạn là Dế Choắt? (1 điểm)

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7 điểm)**Câu 1: (3 điểm)**

Viết một đoạn văn ngắn (từ 6 – 8 câu) có nội dung về “Tình bạn bè”.

Câu 2: (4 điểm)

Hãy tả lại hình ảnh của một người thân trong gia đình em khi đang làm việc nhà.

HẾT

Đề Số 14:

KỶ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2018-2019

Môn: Ngữ văn - Lớp 6

Thời gian: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC:

I. VĂN – TIẾNG VIỆT: (4,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

a) Em hãy cho biết văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” (Ngữ văn 6 – Tập hai) trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Trình bày nội dung của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”.

Câu 2: (1,0 điểm)

Câu trần thuật đơn là gì?

Câu 3: (1,0 điểm)

Xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau:

a) Tôi về, không một chút bận tâm.

b) Chợ Năm Căn nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.

II. LÀM VĂN: (6,0 điểm)

Hãy viết một bài văn miêu tả cảnh sân trường em trong giờ ra chơi.

_____Hết_____

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN: Ngữ văn – Lớp 6

	Nội dung	Thang điểm
I.VĂN-TIẾNG VIỆT		
Câu 1	<p>a. Văn bản “Bài học đường đời đầu tiên” trích trong tác phẩm: Dế Mèn phiêu lưu ký.</p> <p>- Tác giả: Tô Hoài</p> <p>b. Nội dung của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”:</p> <p>Bài văn miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.</p> <p>Do bày trò trêu chọc chị Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p>
Câu 2	Câu trần thuật đơn là loại câu do một cụm C-V tạo thành, dùng để giới thiệu, tả hoặc kể về một sự việc, sự vật hay để nêu một ý kiến.	1.0
Câu 3	<p>Xác định chủ ngữ, vị ngữ:</p> <p>a. Tôi / về, không một chút bận tâm.</p> <p style="text-align: center;">C V</p> <p>b. Chợ Năm Căn / nằm sát bên bờ sông, ồn ào, đông vui, tấp nập.</p> <p style="text-align: center;">C V</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p>
II. LÀM VĂN:	<p>* Dàn bài gợi ý:</p> <p><u>Mở bài:</u></p> <p>- Giới thiệu giờ ra chơi của trường em</p> <p><u>Thân bài:</u></p> <p>* Tả bao quát:</p> <p>- Cảnh sân trường lúc bắt đầu ra chơi</p> <p>- Không khí chung (nhộn nhịp, sôi nổi ...)</p> <p>* Tả chi tiết theo trình tự hợp lý:</p> <p>- Hoạt động vui chơi, học tập của học sinh (các trò chơi, ôn bài, trò chuyện,...)</p> <p>- Âm thanh</p> <p>- Cảnh vật sân trường trong giờ ra chơi</p> <p>* Cảnh sân trường sau giờ chơi:</p> <p><u>Kết bài:</u></p> <p>- Suy nghĩ của em về giờ ra chơi.</p> <p>Biểu điểm bài Làm văn:</p> <p>- Đáp ứng đủ các yêu cầu của đề, bố cục đủ 3 phần, diễn đạt trôi chảy, mạch lạc, bài viết chân thật, xúc động.</p> <p>- Đáp ứng tương đối đầy đủ các yêu cầu của đề, còn mắc một vài lỗi nhỏ về diễn đạt.</p>	<p>1.0</p> <p>1.0</p> <p>2.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p> <p>6 đ</p> <p>5 đ</p>

	- Đáp ứng được 2/3 các yêu cầu trên.	4 đ
	- Đáp ứng được nửa các yêu cầu của đề.	3 đ
	- Nội dung sơ sài, diễn đạt yếu.	1- 2 đ
	- Hoàn toàn lạc đề	0 đ

BẢNG MA TRẬN HAI CHIỀU
KIỂM TRA HỌC KỲ II, MÔN NGỮ VĂN LỚP 6
Năm học 2018 -2019
Thời gian làm bài: 90 phút

Mức độ Kiến thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao	
I. Đọc - hiểu văn bản	- Nhận biết được các từ loại danh từ - Nhận biết được phương thức biểu đạt chủ yếu trong đoạn văn.	- Hiểu được bức tranh được thể hiện trong đoạn văn.			
<i>Số câu</i>	2	1			3
<i>Số điểm</i>	2 điểm	1 điểm			3 điểm
II. Viết văn bản: 1. Viết đoạn văn chứng minh: Viết đoạn văn : tả cảnh dòng sông quê em.	- Nhận biết kiểu bài miêu tả. - Biết cách trình bày một đoạn văn	Hiểu nội dung vấn đề.	Tạo lập được một đoạn văn miêu tả	Biết liên hệ, mở rộng.	
<i>Số câu</i>	1(c1)	1(c1)	1(c1)	1(c1)	1
<i>Số điểm</i>	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	2 điểm
2. Viết bài văn chứng minh: Miêu tả con vật nuôi mà em yêu quý . (yêu cầu: định hướng phát triển năng lực cho học sinh).	Xác định được kiểu bài văn miêu tả.	- Nêu được những chi tiết về ngoại hình, hoạt động, đặc điểm của con vật - Nêu được những ích lợi, việc làm để chăm sóc con vật	- Tạo lập được một văn bản miêu tả. - Bố cục hợp lí, chặt chẽ.	Biết liên hệ thực tế, mở rộng vấn đề.	
<i>Số câu</i>	1(c2)	1(c2)	1(c2)	1(c2)	1
<i>Số điểm</i>	0,5 điểm	1,5 điểm	1,5 điểm	1,5 điểm	5 điểm
Tổng số điểm	3,0	3,0	2,0	2,0	10/5 câu
Tỉ lệ %	30%	35%	20%	15%	100%

Đề Số 15:

PHÒNG GD&ĐT

KIỂM TRA HỌC KỲ II . NĂM HỌC 2018-2019

Môn: Ngữ văn - Khối (lớp): 6

Thời gian: 90 phút (Không tính thời gian giao đề)

Trường TH&THCS Ba Bích Họ và tên:Lớp: 6		Ngày kiểm tra: Buổi:.....	SBD:
Điểm	Lời phê của giáo viên	Người chấm bài (Ký, ghi rõ họ và tên)	Người coi kiểm tra (Ký, ghi rõ họ và tên)
ĐỀ CHÍNH THỨC			

Học sinh làm bài ngay trên tờ giấy này.

Phần I: Đọc - hiểu văn bản. (3 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn và trả lời câu hỏi.

“Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối [...]. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước âm âm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.”

(Trích Sông nước Cà Mau, Đoàn Giỏi, Ngữ văn 6, tập 2)

Câu 1: (1 điểm) Các từ **Cà Mau, Thái Lan, Năm Căn** thuộc từ loại gì ?

Câu 2: (1 điểm) Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào để viết đoạn trích trên?

Câu 3: (1 điểm) Cảnh Sông nước Cà Mau qua đoạn văn là một bức tranh như thế nào?

Phần II: Viết văn bản. (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Từ nội dung đoạn văn trên, hãy viết một đoạn văn (5 đến 7 câu) tả cảnh dòng sông quê em.

Câu 2: (5,0 điểm)

Miêu tả con vật nuôi mà em yêu quý .

BÀI LÀM
HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
Môn: Ngữ văn - Lớp (Khối): 6
Thời gian làm bài: 90 phút
(Hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I. ĐỌC – HIỂU (3 điểm)	1	Các từ <i>Cà Mau, Thái Lan, Năm Căn</i> thuộc từ loại danh từ	1,0
	2	Phương thức biểu đạt chủ yếu : Tự sự	1,0
	3	Cảnh Sông nước Cà Mau qua đoạn văn là một bức tranh mênh mông và hùng vĩ	1,0
PHẦN II. LÀM VĂN (7 điểm)	1 (2 điểm)	HS viết đoạn văn: Trên cơ sở nội dung của đoạn trích, học sinh biết vận dụng kiến thức đời sống và kỹ năng về dạng văn miêu tả để tạo lập văn bản. Đoạn văn phải có kết cấu rõ ràng, viết đúng chủ đề; đảm bảo tính liên kết về nội dung và hình thức; diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp; đảm bảo đúng số câu.	
		a. Đảm bảo thể thức của một đoạn văn	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề : tả cảnh dòng sông quê em.	0,25
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: Thực hiện tốt phương thức miêu tả. Có thể viết đoạn văn theo các ý sau: Quê em đẹp bởi có con sông chảy qua làng. Quanh năm cần mẫn, dòng sông đưa nước về cho ruộng lúa. Buổi sớm tinh mơ, dòng nước phẳng lặng chảy. Giữa trưa, mặt sông nhấp nhô ánh bạc lẫn màu xanh nước biếc. Chiều tà, dòng nước trở thành màu khói trong, hơi tối âm âm. Sông đẹp nhất vào những đêm trăng, bóng trăng lồng vào nước, những hàng cây in bóng trên dòng sông. Cảnh vật hữu tình đẹp như tranh vẽ.	1,0
		d. Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
	2 (5 điểm)	Viết bài văn miêu tả Đề: Miêu tả con vật nuôi mà em yêu quý .	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài miêu tả Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Các phần, câu, đoạn phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức. Sử dụng phương pháp miêu tả	0,25
		b. Xác định đúng đối tượng miêu tả	0,25
		c. Học sinh có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần đảm bảo các ý sau:	
		1. Mở bài. Giới thiệu con vật nhà em nuôi (nuôi từ lúc nào, do ai cho ?, ...)	0,5

		2. Thân bài	
		a) Tả bao quát: Hình dáng: to bằng gì? Cao thế nào? Lông màu gì?	1,0
		b) Tả chi tiết: - Tả các bộ phận của con vật , chọn tả đặc điểm nổi bật nhất. Đầu (to, hình tam giác, trán rộng, mõm dài hay ngắn) Chú ý: đặc điểm của con vật tùy vào con vật thuộc loại gì? - Mắt - Mõm - Tai - Lông - ...	1,0
		c) Hoạt động của con vật : - Tính nết của con vật: - Thói quen của con vật:	1,0
		3. Kết bài. - Nêu ích lợi của con vật - Nêu tình cảm của em đối với con vật đã tả.	0,5
		d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có cảm xúc	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
Tổng điểm			10,0

Đề Số 16:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

.....

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II NĂM HỌC 2018 - 2019

Môn: Ngữ văn- Lớp 6- THCS

Thời gian làm bài: 90 .phút

(Đề thi có 02 trang)

Phần I: Tiếng Việt (2,0 điểm) Hãy viết chữ cái đứng trước phương án đúng vào bài làm.

Câu 1: Câu văn: “*Có chiếc lá đầy âu yếm rơi bám vào một bông hoa thơm, hay đến mon tròn một ngọn cỏ xanh mềm mại*” (Khái Hưng) có sử dụng biện pháp tu từ

A. nhân hóa. B. so sánh. C. ẩn dụ. D. hoán dụ.

Câu 2: Câu văn: “*Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá*” (Đoàn Giỏi) có

A. một cụm danh từ. C. ba cụm danh từ.
B. hai cụm danh từ. D. bốn cụm danh từ.

Câu 3: Câu văn nào sau đây mắc lỗi dùng từ?

A. *Mùa xuân đã đến thật rồi!*
B. *Anh ấy là người có tính khí rất nhỏ nhen.*
C. *Em bé trông dễ thương quá!*
D. *Bình minh trên biển thật đẹp.*

Câu 4: Từ ngữ được điền vào dấu ba chấm của câu: “...là những thành phần bắt buộc phải có mặt để câu có cấu tạo hoàn chỉnh và diễn đạt được một ý trọn vẹn.” là

A. thành phần chính của câu C. trạng ngữ trong câu.

B. thành phần phụ của câu.

D. thành phần chính và trạng ngữ trong câu.

Câu 5: Dòng nào sau đây nêu chính xác các từ láy?

A. Xinh xinh, thấp thoáng, buồn bán, bạn bè.

B. Tươi tắn, đẹp đẽ, xa xôi, tươi tốt.

C. Đỏ đen, lom khom, âm âm, xanh xanh.

D. Lấp lánh, lung linh, lao xao, xào xạc.

Câu 6: Từ *chân* được sử dụng với nghĩa gốc trong câu

A. *Cô ấy có chân trong đội tuyển thi đấu cờ vua của trường.*

B. *Chân nó chạy rất nhanh.*

C. *Cái chân bàn này rất chắc chắn.*

D. *Chân trời đang đông đã ửng hồng.*

Câu 7: Trường hợp nào sau đây có sử dụng phép tu từ ẩn dụ?

A. *Thuyền về có nhớ bến chăng?*

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

B. *Trâu ơi, ta bảo trâu này*

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

C. *Những ngôi sao thức ngoài kia*

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

D. *Bàn tay ta làm nên tất cả*

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

Câu 8: Phó từ là những từ

A. chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật.

B. chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.

C. chuyên đi kèm động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

D. chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...

Phần II: Đọc- hiểu văn bản (3,0 điểm)

Em hãy đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:

Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xóa. Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụi bắm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rú nhau lặng lẽ bay đi.

(Duy Khán, *Lao xao*, SGK Ngữ văn 6- Tập 2, NXB Giáo dục 2012tr 110)

1. Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn bản? (0,5 điểm)

2. Trình bày nội dung của đoạn văn? (0,5 điểm)

3. Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng thành công những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào?

Nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật ấy? (1,0 điểm)

4. Đoạn văn đã khơi gợi trong em tình cảm gì với thiên nhiên, vạn vật xung quanh? Bản thân em cần phải làm gì để bảo vệ thiên nhiên và giữ gìn môi trường sống trong lành? (1,0 điểm)

Phần III: Tập làm văn (5,0 điểm)

Câu 1: Trong cuốn sách *Một số kinh nghiệm viết văn miêu tả*, nhà văn Tô Hoài có dẫn lời của một nhà văn Pháp như sau:

“Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đó ta gặp bao nhiêu người, phải thấy ra mỗi người mỗi khác nhau không một ai giống ai”.

Theo em, thông qua lời dẫn trên, nhà văn Tô Hoài muốn khuyên ta điều gì khi viết văn miêu tả? (0,5 điểm)

Câu 2:

Từ lời khuyên của Tô Hoài, em hãy viết bài văn tả lại quang cảnh khu vườn trong một buổi sáng bình minh đẹp trời. (4,5 điểm)

-HẾT-

Họ và tên học sinh:.....Số báo
danh:.....

Họ, tên, chữ ký của giám
thì:.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ II
Môn: Ngữ văn- Lớp 6- THCS

....

Phần I: Tiếng Việt (2,0 điểm): Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm..

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	A	D	B	A	C

Phần II: Đọc- hiểu văn bản: (3,0 điểm)

Câu	Yêu cầu	Điểm
Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn bản? (0,5đ).	<u>Phương thức biểu đạt:</u> miêu tả	0,5đ.
Câu 2: Trình bày nội dung của đoạn văn? (0,5đ)	<u>Nội dung:</u> Phong cảnh làng quê khi chớm hè (Hoặc: Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp nơi làng quê khi hè về v.v...)	0,5đ
Câu 3: Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng thành công những biện pháp nghệ thuật đặc sắc nào? Nêu tác dụng của các biện pháp nghệ thuật ấy? (1,0đ)	- <u>Biện pháp nghệ thuật:</u> + Nghệ thuật so sánh: <i>Hoa móng rồng bụi bầm thơm như mùi mít chín.</i> + Nghệ thuật nhân hóa: <i>Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa; Chúng đuổi cả bướm; Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao; Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.</i> - <u>Tác dụng:</u> Biện pháp nghệ thuật làm cho cách diễn đạt của tác giả trở nên hình ảnh, gợi cảm, góp phần làm nổi bật bức tranh thiên nhiên nơi làng quê lúc chớm hè thật đẹp đẽ, sống động, có hồn với thế giới muôn sắc màu của lá hoa, ong bướm... * <u>Lưu ý:</u> - Phần nêu biện pháp nghệ thuật học sinh cần chỉ rõ các hình ảnh so sánh, nhân hóa. - Phần nêu tác dụng học sinh có thể diễn đạt khác nhưng đúng ý và thuyết phục giám khảo vẫn cho điểm tối đa.	0,25đ 0,25đ 0,5đ
Câu 4: Đoạn văn đã khơi gợi trong em tình cảm gì với thiên nhiên, vạn vật xung quanh? Bản	* Đoạn văn đã khơi gợi trong em tình cảm gì với thiên nhiên, vạn vật xung quanh? - Đoạn văn khơi gợi trong em tình yêu tha thiết với thiên nhiên, vạn vật. (Hoặc: gợi sự yêu mến, gắn bó; sự nâng niu, trân trọng với thế giới thiên nhiên...)	0,5đ.

	<p>b1. Tả bao quát quang cảnh khu vườn: 1,0đ.</p> <p>- Tả diện tích khu vườn, không khí của buổi bình minh: (bầu trời, nắng, gió...).</p> <p>+ Khu vườn rộng bao nhiêu...</p> <p>+ Không khí buổi sáng bình minh: Hình ảnh ông mặt trời, những tia nắng vàng, những màn sương mỏng, bầu trời trong xanh, những đám mây trắng xốp, làn gió buổi sáng nhẹ nhàng v.v..</p> <p>- Tả bao quát hình ảnh đầy sức sống của khu vườn (cây cối, màu sắc, âm thanh, hoạt động...).</p> <p>+ Cả khu vườn được bao phủ bởi một màu xanh ngập tràn sức sống của cây cối trong vườn. Những hàng cây đứng đưa nhẹ nhàng theo gió như đang trò chuyện với nhau. Trên những chiếc lá còn đọng lại những hạt sương sớm lấp lánh như kim cương....</p> <p>+ Sáng sớm mùa hè, đủ các loại âm thanh được tấu lên như một bản nhạc làm rộn rã cả khu vườn. Những chú chim ríu rít, líu lo gọi bầy...Tất cả như bừng tỉnh giấc để đón chào một ngày mới.</p> <p>b2. Tả chi tiết quang cảnh khu vườn: 2,5đ.</p> <p>- Các loài cây, loại hoa...(lá, cành, hoa, quả...).</p> <p>+ Bao bọc quanh khu vườn là lũy tre xanh mát, cành lá đan xen nhau tạo nên bức tường thành vững chắc, dẻo dai như cánh gác, bảo vệ cho khu vườn...</p> <p>+ Khu vườn có nhiều loại cây khác nhau với khá nhiều cây ăn quả: nhãn, xoài cát, đu đủ, mít...</p> <p>+ Cuối vườn là thế giới của các loài hoa: Hoa lan nở trắng xoá, thơm đậm, hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ, hoa móng rồng thơm như mùi mít chín;; hoa hồng, thược dược, lay ơn...rực rỡ các sắc màu tươi đẹp....</p> <p>- Các loài chim...(màu sắc, tiếng hót, hoạt động...).</p> <p>+ Khu vườn tung bừng nhộn nhịp hơn với rất nhiều loại chim ríu rít thi nhau gọi bầy: Sáo sậu, sáo đen, chim ngói, chào mào, chích choè, bồ câu....</p> <p>- Hình ảnh của ong, bướm...</p> <p>C. Kết bài: (0,25đ)</p> <p>- Nêu suy nghĩ, cảm xúc của em về khu vườn trong buổi sáng đẹp trời.</p>	<p>1,0đ.</p> <p>1,5đ.</p> <p>1,0đ.</p> <p>0,25đ.</p>
--	--	--

Chú ý:

- Đây là bài văn miêu tả sáng tạo đòi hỏi sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú của học sinh, khuyến khích học sinh có nhiều ý tưởng độc đáo, mới mẻ nên có thể chấp nhận các cách diễn đạt khác nhau của các em. Học sinh có thể miêu tả các loại cây, loại hoa, loại chim khác nhau...

- Tuy nhiên học sinh cũng không thể tùy tiện miêu tả lộn xộn, tự do mà cần phải đáp ứng tương đối trình tự và các ý theo hướng của lí thuyết đã học và các ý trong đáp án.

- Giám khảo tránh việc đếm ý cho điểm. Cần căn cứ vào chất lượng bài làm cụ thể của học sinh để điều chỉnh khung điểm cho phù hợp. Cần khuyến khích những bài làm tốt, có sáng tạo (không rập khuôn theo ngôn ngữ của đáp án).

Điểm toàn bài là điểm cộng đến 0,25, không làm tròn.

